

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15/5/2018

V/v: “Ly hôn giữa ông Ng và bà T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Bằng Lăng.

2. Bà Hà Thị Lệ Thi.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa: thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 34/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018, về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phước Ng, sinh năm 1972.

Địa chỉ cư trú: Tổ 5, ấp M T, xã A M B, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.
(Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1980.

Địa chỉ cư trú: Tổ 5, ấp M T, xã A M B, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.
(Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 13/3/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Nguyễn Phước Ng trình bày: Ông Ng và bà T được người thân mai mối, đi đến tổ chức lễ cưới vào năm 2004, có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã A M B, huyện A M (nay là huyện U M T), tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/02/2006.

Lý do ông Ng yêu cầu xin ly hôn: Ông Ng cho rằng do quá trình chung sống tính tình đôi bên không hợp nhau, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến trong cách cư xử và sinh hoạt thường ngày, mỗi người có cách suy nghĩ và hành động khác nhau, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, xúc phạm nhau. Cả hai đã nhiều lần tự hòa giải để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, cùng xây dựng mái ấm gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, sự cố gắng đó không mang lại kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Thấy chung sống không hạnh phúc nên ông Ng và bà T đã tự ly thân với nhau từ năm 2011 đến nay.

Về con chung: Ông Ng xác nhận có 01 người con tên Nguyễn Ngọc Thủy Tr, sinh ngày 29/7/2006, hiện bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Ng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ông Ng yêu cầu:

Về hôn nhân: Ông Ng xin được ly hôn với bà T.

Về con chung: Tại bản tự khai đề ngày 17/4/2018 người con tên Nguyễn Ngọc Thủy Tr có nguyện vọng muốn được sống với mẹ là bà T. Ông Ng đồng ý giao người con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Ng không phải cấp dưỡng nuôi con.

*** *Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt.*** Tại bản tự khai đề ngày 17/4/2018 bà T xác nhận:

Về hôn nhân: Bà T và ông Ng chung sống vợ chồng có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn như ông Ng trình là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng, bà T xác nhận do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cự cãi. Thấy chung sống không hạnh phúc nên đôi bên đã ly thân với nhau từ năm 2011 đến nay. Bà T đồng ý ly hôn với ông Ng.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Thủy Tr, sinh ngày 29/7/2006, hiện bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông Ng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử; Giấy báo phiên tòa hợp lệ, nhưng bà T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào

điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị T.

[2] *Nhận định về quan hệ hôn nhân*: Tại phiên tòa ông Ng, cũng như tại bản tự khai đề ngày 17/4/2018 bà T đã xác nhận: ông Ng, bà T được người thân mai mối, đi đến tổ chức lễ cưới vào năm 2004, có đăng ký kết hôn trễ hạn và được UBND xã A M B, huyện A M (nay là huyện U M T), tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/02/2006, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Ng*, Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng ông Ng, bà T không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng xây dựng mái ấm gia đình bền vững và hạnh phúc: Xuất phát từ việc tính tình đôi bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến; vợ chồng không còn thông cảm, quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Quá trình giải quyết vụ án ông Ng và bà T đều thể hiện rõ quan điểm muốn ly hôn, không muốn đoàn tụ. Mặt khác, ông Ng, bà T đã ly thân với nhau từ năm 2011 cho đến nay, đôi bên đã bỏ mặc nhau, mạnh ai nấy sống. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông Ng và bà T đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong phần nghị án Hội đồng xét xử thống nhất cho ly hôn giữa ông Nguyễn Phước Ng và bà Nguyễn Thị T.

[4] *Về con chung*: Ông Ng, bà T xác nhận có 01 người con tên Nguyễn Ngọc Thủy Tr, sinh ngày 29/7/2006, hiện bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy, người con tên Nguyễn Ngọc Thủy Tr đã trên 07 tuổi, quá trình giải quyết vụ án cháu Tr thể hiện nguyện vọng muốn được sống với mẹ là bà T. Vì vậy, để đảm bảo môi trường sống, sự phát triển, quyền lợi mọi mặt, cũng như tôn trọng nguyện vọng của con. Trong phần nghị án Hội đồng xét xử thống nhất: Giao người con chung tên Nguyễn Ngọc Thủy Tr, sinh ngày 29/7/2006 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông Ng, bà T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Ông Ng phải chịu án phí số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Phước Ng và bà Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Ngọc Thủy Tr, sinh ngày 29/7/2006 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông Ng cấp dưỡng nuôi con.

Bà T và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Ng trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Ng, bà T xác nhận không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Ông Ng phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Ông Ng đã tạm nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006851, ngày 16/3/2018 tại chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, nên ông Ng được khấu trừ.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U Minh Thượng;
- THA DS huyện U Minh Thượng;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tấn Nghĩa